

**Phần: 1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY**

Tên sản phẩm	:	FIRST IMPRESSION
Các hình thức nhận dạng khác	:	Không áp dụng.
Cách sử dụng đề xuất	:	Chất đánh bóng kim loại
Các khuyến nghị về hạn chế sử dụng	:	Dùng trong công nghiệp và các lĩnh vực chuyên môn.
Thông tin về sản phẩm pha loãng	:	Sản phẩm dùng ngay.
Công ty	:	CÔNG TY TNHH ECOLAB VIỆT NAM Phòng 8.2 – Tòa nhà ETOWN 2, 364 đường Cộng Hòa Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam +84 28 35285100
Điện thoại khẩn cấp	:	+(84)-444581938
Ngày tháng phát hành đầu tiên	:	30.11.2020

**Phần: 2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI**
**Phân loại theo GHS**

Độc tính lên cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm đơn lẻ) : Nhóm 3

Độc tính thủy sinh lâu dài : Nhóm 3

**Thành phần nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo các nguy cơ : Có thể gây kích ứng hô hấp.  
Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Bản tuyên bố các biện pháp phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**  
Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước. Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt. Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

**Sơ cứu/Cấp cứu:**

**NẾU HÍT PHẢI:** Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

**Lưu trữ:**

Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín. Lưu giữ tại nơi được khoá cẩn thận

**Việc thải bỏ:**

Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## FIRST IMPRESSION

Các nguy cơ khác : Được biết là chưa xảy ra.

### Phần: 3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Đơn chất/Hỗn hợp chất : Hỗn hợp

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ: (%)
Khoáng Neuburg Siliceous Earth.	1020665-14-8	15 - 30
ethanol	64-17-5	0.5 - 1
Fragrance.		0.5 - 1
Soap	1002-89-7	0.1 - 0.5

### Phần: 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Rửa bằng thật nhiều nước.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa bằng thật nhiều nước.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Súc miệng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến nơi thoáng khí. Điều trị theo triệu chứng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Bảo vệ người sơ cứu : Nếu có nguy cơ bị nhiễm thì hãy đọc chương 8 về trang bị bảo hộ cá nhân.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và lâu dài : Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

### Phần: 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện cứu hỏa phù hợp : Carbon đioxit (CO<sub>2</sub>)  
Hóa chất khô  
Bụi nước.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp : Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy cơ cụ thể khi cứu hỏa : Nguy cơ cháy  
Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.  
Ngọn lửa có thể cháy lùi qua một khoảng cách đáng kể.

Các sản phẩm cháy nguy hại : sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau  
Carbon ôxit  
Nitơ ôxit (NO<sub>x</sub>)  
Oxit kim loại

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp cháy, đeo mặt nạ dưỡng khí có bình thở với áp suất dương và bộ đồ bảo hộ phù hợp.

Các phương pháp cứu hỏa : Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## FIRST IMPRESSION

cụ thể hợp với các quy định địa phương. Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít thở khói.

### Phần: 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp : Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy. Việc làm sạch chỉ được thực hiện bởi nhân viên đã huấn luyện Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
- Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Không để tiếp xúc với đất, nước mặt và nước ngầm.
- Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nếu có thể làm được một cách an toàn. Ngưng chỗ rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Ngăn chặn sự tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13). Đối với vùng loang rộng, đào rãnh quanh vật liệu bị tràn hoặc nếu không thì ngăn chặn vật liệu lại không cho chảy vào nguồn nước.

### Phần: 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Không được ăn. Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước. Chỉ sử dụng khi có đủ sự thông gió. Để xa nguồn lửa, tia lửa điện và các bề mặt nóng. Tiến hành các hoạt động cần thiết để tránh việc phóng tĩnh điện (có thể gây cháy các hơi hữu cơ). Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
- Các điều kiện lưu giữ an toàn : Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Để xa các chất oxy hóa. Để xa tầm tay của trẻ. Đóng chặt thùng chứa. Bảo quản trong thùng chứa phù hợp có dán nhãn.
- Nhiệt độ lưu giữ : 5 °C tới 45 °C

### Phần: 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có giới hạn kiểm soát nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Dạng phơi nhiễm	Nồng độ cho phép	Cơ sở
ethanol	64-17-5	TWA	1,000 mg/m <sup>3</sup>	Việt Nam. OELs
		STEL	3,000 mg/m <sup>3</sup>	Việt Nam. OELs
Soap	1002-89-7	TWA	10 mg/m <sup>3</sup>	Việt Nam. OELs

Các biện pháp kỹ thuật : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ mắt : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
- Bảo vệ tay : Găng tay không thấm
- Bảo vệ da : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### FIRST IMPRESSION

- Bảo vệ hô hấp : Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn.
- Các biện pháp vệ sinh : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào đã tiếp xúc với hoá chất thật kỹ sau khi thao tác.

### Phần: 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái : thể lỏng
- Màu sắc : mờ đục, màu vàng nhạt
- Mùi : Mùi chanh
- Độ pH : 9.9 - 10.4, 100 %
- Điểm chớp cháy : 74 °C cốc kín, Không duy trì sự cháy
- Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu
- Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : chưa có dữ liệu
- Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu : 100 °C
- Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu
- Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : chưa có dữ liệu
- Ngưỡng nổ trên : chưa có dữ liệu
- Ngưỡng nổ dưới : chưa có dữ liệu
- Áp suất hơi : chưa có dữ liệu
- Tỷ trọng hơi tương đối : chưa có dữ liệu
- Tỷ trọng tương đối : 1.14 - 1.18
- Khả năng hòa tan trong nước : chưa có dữ liệu
- Độ hòa tan trong các dung môi khác : chưa có dữ liệu
- Hệ số phân tán: n-octanol/nước : chưa có dữ liệu
- Nhiệt độ tự bốc cháy : chưa có dữ liệu
- Phân hủy do nhiệt : chưa có dữ liệu
- Độ nhớt, động học : chưa có dữ liệu
- Đặc tính cháy nổ : chưa có dữ liệu
- Đặc tính ôxy hóa : chưa có dữ liệu
- Trọng lượng phân tử : chưa có dữ liệu
- VOC : chưa có dữ liệu

### Phần: 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

- Tính ổn định hóa học : Ổn định trong các điều kiện thông thường.
- Khả năng xảy ra các phản ứng : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng.

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### FIRST IMPRESSION

ứng nguy hại	dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	: Nhiệt, lửa và tia lửa.
Các vật liệu xung khắc	: Được biết là chưa xảy ra.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

### Phần: 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể : Hít phải, Tiếp xúc với mắt, Tiếp xúc với da

#### Các ảnh hưởng tiềm tàng tới sức khỏe

Mắt	: Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Da	: Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Ăn uống	: Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Hít phải	: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Phơi nhiễm Mãn tính	: Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

#### Kinh nghiệm về phơi nhiễm ở người

Tiếp xúc với mắt	: Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Tiếp xúc với da	: Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Nuốt phải	: Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Hít phải	: Dễ bị kích thích

#### Độc tính

##### Sản phẩm

Độc tính cấp theo đường miệng	: chưa có dữ liệu
Độc tính cấp do hít phải	: chưa có dữ liệu
Độc tính cấp qua da	: chưa có dữ liệu
Kích ứng/ăn mòn da	: chưa có dữ liệu
Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt	: chưa có dữ liệu
Nhạy cảm với hô hấp hoặc da	: chưa có dữ liệu
Độc tính gây ung thư	: Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.
Các ảnh hưởng tới sinh sản	: chưa có dữ liệu

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### FIRST IMPRESSION

Khả năng gây đột biến tế bào mầm : chưa có dữ liệu

Độc tính gây quái thai : chưa có dữ liệu

STOT - Tiếp xúc một lần : chưa có dữ liệu

STOT - Tiếp xúc lặp lại : chưa có dữ liệu

Độc tính hô hấp : chưa có dữ liệu

#### Thành phần

Độc tính cấp theo đường miệng : ethanol  
LD50 Chuột: 10,470 mg/kg

Fragrance.  
LD50 Chuột: 4,400 mg/kg

#### Thành phần

Độc tính cấp do hít phải : ethanol  
4 h LC50 Chuột: 117 mg/l

#### Thành phần

Độc tính cấp qua da : ethanol  
LD50 Thỏ: > 15,800 mg/kg

### Phần: 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

#### Độc sinh thái

Tác động tới môi trường : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

#### Sản phẩm

Độc đối với cá : chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : chưa có dữ liệu

Độc đối với tảo : chưa có dữ liệu

#### Thành phần

Độc đối với cá : ethanol  
96 h LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): > 100 mg/l

#### Độ bền và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

#### Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

#### Lưu động trong đất

chưa có dữ liệu

#### Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### FIRST IMPRESSION

#### Phần: 13. YẾU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy : Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Loại bỏ chất thải trong một cơ sở xử lý chất thải có giấy phép.

Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.

Các lưu ý về tiêu hủy : Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ. Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng. Thải bỏ phù hợp theo các Quy định của địa phương, bang và liên bang.

#### Phần: 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Người vận chuyển/người nhận hàng/người gửi hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng loại bao bì, nhãn và ký hiệu là phù hợp với phương thức vận chuyển đã được chỉ định.

##### Vận tải mặt đất

Hàng hóa không nguy hiểm

##### Vận tải đường biển

(IMDG/IMO)

Hàng hóa không nguy hiểm

#### Phần: 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

##### Bảng thống kê TSCA của Mỹ :

Tất cả thành phần đều được liệt kê hoặc loại trừ.

##### Danh sách các chất nội địa của Canada :

Sản phẩm này có chứa một hoặc một số thành phần không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.

Úc. Luật hóa chất công nghiệp (Sự khai báo và đánh giá)

:  
chưa được xác định

New Zealand. Bảng thống kê các loại hóa chất (NZIoC), được ban hành bởi ERMA New Zealand.

:  
chưa được xác định

Nhật Bản. ENCS - Bảng thống kê các hóa chất mới và hiện tại.

:  
chưa được xác định

##### Nhật Bản. ISHL - Bảng thống kê các hóa chất (METI) :

chưa được xác định

##### Hàn Quốc - Bảng thống kê các hóa chất hiện tại của Hàn Quốc (KECI) :

chưa được xác định

Bảng thống kê các hóa chất và chất có tính hóa học của Philippines (PICCS)

:

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### FIRST IMPRESSION

Sản phẩm này và/hoặc các chất hình thành được miễn hoặc không nằm trong quy định Philippines Inventory of Chemicals and Chemical Substances (PICCS) theo quy định Cộng hòa 6969 (RA 6969)

**Trung Quốc. Bảng thống kê các hóa chất hiện tại. :**  
chưa được xác định

### Phần: 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng phát hành đầu tiên : 30.11.2020  
Phiên bản : 1.0A  
Chuẩn bị bởi : Regulatory Affairs

**THÔNG TIN ĐÃ SỬA ĐỔI:** những thay đổi cần thiết đối với quy định hoặc thông tin sức khỏe của bản sửa này được chỉ theo một vạch bên lề trái của MSDS

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.